TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **98**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trực.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trường Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXX-ST ngày 07/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1990. Địa chỉ: T 5, KV 3 phường HS, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Trương Văn M, sinh năm 1979. Địa chỉ: T 9, KV 4, phường HS, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày19/6/2023, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thì nội dung vụ việc như sau:

Chị Lê Thị L và anh Trương Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường HS, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2018, nhưng không tổ chức lễ cưới vì không được sự đồng ý của bố mẹ hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở tại đường HL thành phố H, hạnh phúc được hơn 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân

là do vợ chồng cãi vả, đánh đập, xúc phạm nhau. Vì con, chị L đã tìm cách hàn gắn cho con có đủ cha mẹ nhưng anh M vẫn không khắc phục được nên vợ chồng không chung sống với nhau hơn ba tháng nay. Nay nhận thấy vợ chồng chúng tôi không còn tình cảm nên chị L làm đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Văn M.

- Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Trương Văn M có 01 người con chung tên là Trương Ngọc Anh T, sinh ngày 13/9/2019. Hiện nay, cháu T đang ở với anh M. Nếu Tòa án cho ly hôn thì chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến tuổi thành niên và chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị L trình bày, chị và anh M chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị L trình bày, chị và anh M chung sống không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lời khai ngày 01/8/2023 của bà Lê Thị T (mẹ ruột của anh M), chị L và anh M tự nguyện tìm hiểu nhau được một năm, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HS, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào năm 2018. Nhưng không tổ chức lễ cưới vì không có sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại đường HL - Thành phố H. Sau khi sinh con được 2 tuổi, chị L và anh M quay trở về chung sống với gia đình bà T. Trong thời gian chung sống, chị L và anh M thường xuyên cãi vả xúc phạm và chị L thường xuyên bỏ nhà đi. Bà T có khuyên ngăn nhưng chị L và anh M vẫn tiếp tục xảy ra cãi vả, chị L đã bỏ đi hơn một tháng nay. Quá trình chung sống, chị L và anh M có 1 con chung tên là Trương Ngọc Anh T, sinh ngày 13/9/2019. Hiện nay, cháu T đang ở với anh M. Nay chị L xin ly hôn anh M thì bà T không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì được biết: Chị Lê Thị L và anh Trương Văn M có đăng ký kết hôn tại UBND phường HS, thành phố H vào năm 2018, có 1 con chung là Trương Ngọc Anh T, sinh ngày 13/9/2019. Hiện nay cháu T đang ở với anh M. Quá trình chung sống giữa chị L và anh M có mâu thuẫn gì không thì địa phương không nắm rõ. Nay, chị L có đơn xin ly hôn anh M thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần đến tận nhà anh M để tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho anh trương Văn M. Do anh M bận đi làm nên bà Lê Thị T (là mẹ ruột của anh M) đã nhận thay cho anh M các giấy tờ của Tòa án gửi cho anh M và bà đã giao tận tay các giấy tờ trên của Tòa án cho anh việc anh M có đến Tòa án làm việc hay không thì bà không rõ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; các Điều 93,94,95,96 và Điều 97; Điều 195; 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc

xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của đương sự:

+ Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Đối với bị đơn, vắng mặt tất cả các phiên hòa giải là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị L với anh Trương Văn M.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử : Giao cháu Trương Ngọc Anh T, sinh ngày 13/9/2019 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Trương Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị L trình bày, chị và anh M chung sống không có tài sản chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị L trình bày, chị và anh M chung sống không có nợ của ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Văn M. Anhh Trương Văn M có hộ khẩu thường trú tại T 5 KV 3, phường HS, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Tòa án đã 02 lần tiến hành giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh M nhưng anh Trương Văn M không đến. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố H tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Trương Văn M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường HS, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2018. Quá trình chung sống

thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân nên chị L xin ly hôn với anh M. Qua các chứng cứ thu thập được tại phiên tòa và có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ chứng cứ để xác định hôn nhân của chị L và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Phía anh M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng và tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh M. Tất cả kết quả đều cho thấy mối quan hệ vợ chồng giữa chị L, anh M đã đến mức độ trầm trọng vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Do đó, nghĩ cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh M là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về việc nuôi con chung: Chị Lê Thị L và Trương Văn M có con chung là Trương Ngọc Anh T, sinh ngày 13/9/2023. Hiện nay cháu T đang ở với anh M. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Ngọc Anh T đến tuổi thành niên(Đủ 18 tuổi) và chị L không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy, nguyện vọng của chị L là xin được nuôi con chung là cháu Trương Ngọc Anh nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị L trình bày, chị và anh M chung sống không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị L trình bày, chị và anh M chung sống không có nợ của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là chị Lê Thị L.

- Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trương Văn M, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về việc nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L về việc nuôi con chung.

Xử: Giao cháu Trương Ngọc Anh T, sinh ngày 13/9/2019 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Trương Văn M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L.

- Chị Lê Thị L và anh Trương Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Chị Lê Thị L và anh Trương Văn M có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị L trình bày, chị và anh M chung sống không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị L trình bày, chị và anh M chung sống không có nợ của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp - theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0006297 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Chị Lê Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường HS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

NGUYỄN HƯƠNG LAN